

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /2020/NQ-HĐND

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 7 năm 2020



NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý
và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

- Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý Nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí.

- Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý Nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

- Cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

2. Danh mục, mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí:

a) Danh mục:

- Phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (*đối với hoạt động bình tuyến, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện*).

- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố.

- Phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch:

+ Phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, bảo tàng trên địa bàn tỉnh (*thuộc địa phương quản lý*).

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

+ Phí thư viện (*thuộc địa phương quản lý*).

- Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (*đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện*):

+ Phí bảo vệ môi trường: Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

+ Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Phí khai thác, sử dụng nguồn nước, gồm: Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

+ Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

- Phí thuộc lĩnh vực tư pháp:

+ Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

+ Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (*đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện*).

b) Mức thu:

- Phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (*Chi tiết Phụ lục số 01 đính kèm*).

- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (*Chi tiết Phụ lục số 02 đính kèm*).
- Phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch (*Chi tiết Phụ lục số 03 đính kèm*).
- Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (*Chi tiết Phụ lục số 04 đính kèm*).
- Phí thuộc lĩnh vực tư pháp (*Chi tiết Phụ lục số 05 đính kèm*).

c) Tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu: (*Chi tiết Phụ lục số 07 đính kèm*).

d) Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan Nhà nước thực hiện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí và được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu, phần còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền phí được khấu trừ và được để lại nêu trên được sử dụng như sau:

+ Số tiền phí được để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí.

+ Số tiền phí để lại được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hàng năm phải quyết toán thu, chi. Số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Danh mục, mức thu các khoản lệ phí:

a) Danh mục:

- Lệ phí đăng ký cư trú (*đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện*).
- Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (*đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện*).
- Lệ phí hộ tịch.
- Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (*đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện*).
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.
- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.
- Lệ phí đăng ký kinh doanh.

b) Mức thu: *(Chi tiết Phụ lục số 06 đính kèm).*

c) Thu, nộp lệ phí:

- Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

- Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Về miễn, giảm phí, lệ phí:

a) Đối với phí:

- Phí thăm quan Khu lưu niệm Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ và Nhạc sĩ Cao Văn Lầu: Miễn thu phí đối với trẻ em *(dưới 16 tuổi)*.

- Phí thư viện *(thuộc địa phương quản lý)*:

+ Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

+ Miễn thu phí thư viện đối với: Trẻ em *(dưới 16 tuổi)*, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Miễn thu phí đối với các đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm *(đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện)*: Miễn thu phí đối với các trường hợp:

+ Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại điều 4, điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

+ Yêu cầu sửa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký.

+ Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật về thi hành án.

+ Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

+ Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

+ Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

b) Đối với lệ phí:

- Lệ phí đăng ký cư trú (*đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện*):

+ Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (*hoặc chồng*) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; cá nhân, hộ gia đình thuộc hộ nghèo.

+ Miễn thu lệ phí đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với: Cấp hộ khẩu gia đình, cấp sổ tạm trú.

- Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (*đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện*):

+ Miễn thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (*hoặc chồng*) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ, thương binh.

+ Miễn thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Lệ phí hộ tịch: Miễn thu lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:

+ Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

+ Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: Miễn thu lệ phí đối với đối tượng là người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

- Lệ phí đăng ký kinh doanh: Miễn thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh thuộc diện hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định

của pháp luật. Đối với nội dung giảm phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của địa phương ban hành trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và thay thế Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Các nội dung khác liên quan đến mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí không quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH):


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Thiều